Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-15 16:42:41 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành "Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học"

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư "Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học"

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này "Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư ban hành Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN và Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Đối với chỉ tiêu hàm lượng oxy quy định tại Mục 9 Bảng 3 Điều 3 Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên

liệu điêzen và nhiên liệu sinh học quy định không lớn hơn 5,0 % khối lượng có hiệu lực kể từ ngày ban hành Thông tư ban hành Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ XĂNG, NHIÊN LIỆU ĐIÊZEN VÀ NHIÊN LIỆU SINH HỌC

National technical regulation on gasolines, diesel fuel oils and biofuels

HÀ NỘI – 2026

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN

Lời nói đầu

Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 01:2022/BKHCN.

Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN do Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam biên soạn, Uỷ ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định và trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN ngày 30 tháng 4 năm 2026.

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ XĂNG, NHIÊN LIỆU ĐIÊZEN VÀ NHIÊN LIỆU SINH HỌC

National technical regulation on gasolines, diesel fuel oils and biofuels

Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN sửa đổi những nội dung sau của QCVN 01:2022/BKHCN.

1. Sửa đổi điểm 1.3.2, 1.3.3, 1.3.6.1 và 1.3.6.2 như sau:

1.3.2. Xăng E5

Hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4,0 % đến nhỏ hơn 7,5 % theo thể tích, ký hiệu là E5.

1.3.3. Xăng E10

Hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 8,0 % đến 10,0 % theo thể tích, ký hiệu là E10.

1.3.6.1. Etanol nhiên liệu không biến tính

Etanol được sản xuất từ nguyên liệu sinh học, có chứa thành phần tạp chất thông thường được sản sinh trong quá trình sản xuất etanol (kể cả nước) dùng làm nhiên liệu.

1.3.6.2. Etanol nhiên liệu biến tính

Etanol được sản xuất từ nguyên liệu sinh học, dùng làm nhiên liệu, được pha thêm các chất biến tính như xăng, naphta với hàm lượng từ 1,96 % đến 5,0 % thể tích.

2. Sửa đổi hàm lượng etanol quy định trong Bảng 2 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5 như sau:

Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
	2	3	4	5	
10. Hàm lượng etanol, % thể tích					TCVN 7332 (ASTM D 4815)
– Không nhỏ hơn	4,0	4,0	4,0	4,0	
– Nhỏ hơn	7,5	7,5	7,5	7,5	

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN

3. Sửa đổi hàm lượng oxy và hàm lượng etanol quy định trong Bảng 3 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E10 như sau:

Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
	2	3	4	5	
9. Hàm lượng oxy [1)], % khối lượng, không lớn hơn	4,0	4,0	4,0	4,0	TCVN 7332 (ASTM D 4815)
10. Hàm lượng etanol, % thể tích					TCVN 7332 (ASTM D 4815)
– Không nhỏ hơn	8,0	8,0	8,0	8,0	
– Không lớn hơn	10,0	10,0	10,0	10,0	
[1)] Hàm lượng oxy không lớn hơn 4,0 % khối lượng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.					

4. Sửa đổi chỉ tiêu điểm chảy (điểm đông đặc) quy định trong Bảng 4 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của nhiên liệu điêzen như sau:

Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
	2	3	4	5	
6. Điểm chảy (điểm đông đặc) [1)], °C, không lớn hơn					TCVN 3753 (ASTM D 97)
– Mùa hè, thu	+12	+12	+12	+12	ASTM D5950
– Mùa đông, xuân	+3	+3	+3	+3	
[1)] Mùa hè, thu tính từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 10. Mùa đông, xuân tính từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 31 tháng 3.					

5. Sửa đổi chỉ tiêu điểm chảy (điểm đông đặc) quy định trong Bảng 5 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của nhiên liệu điêzen B5 như sau:

Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
	2	3	4	5	
6. Điểm chảy (điểm đông đặc) [1)], °C, không lớn hơn					TCVN 3753 (ASTM D 97)
– Mùa hè, thu	+12	+12	+12	+12	ASTM D5950
– Mùa đông, xuân	+3	+3	+3	+3	
[1)] Mùa hè, thu tính từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 10. Mùa đông, xuân tính từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 31 tháng 3.					

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN

6. Sửa đổi điểm 2.4.3 như sau:

Ngoại trừ etanol nhiên liệu (biến tính hoặc không biến tính), chỉ các hợp chất oxygenat quy định trong Bảng 9 được phép có trong xăng không chì, xăng E5, xăng E10.

Bảng 9 – Các hợp chất oxygenat [1)]

Tên chỉ tiêu	Mức	Phương pháp thử
1. Iso-propyl ancol, % thể tích, không lớn hơn	10,0	TCVN 7332 (ASTM D 4815)
2. Iso-butyl ancol, % thể tích, không lớn hơn	10,0	
3. Tert-butyl ancol, % thể tích, không lớn hơn	7,0	
4. Metanol, % thể tích, không lớn hơn	0,3	
5. Ete (nguyên tử C ≥ 5) [2)], % thể tích, không lớn hơn Riêng MTBE, % thể tích, không lớn hơn	15,0 10,0	
CHÚ THÍCH: [1)] Các hợp chất oxygenat có thể dùng ở dạng đơn lẻ hoặc ở dạng hỗn hợp với thể tích nằm trong giới hạn quy định và tổng hàm lượng oxy (bao gồm cả hàm lượng oxy trong etanol nhiên liệu) phù hợp với quy định đối với các loại xăng. [2)] Có nhiệt độ sôi ≤ 210 °C.		